

Số: 18-08/QĐ-CHCT

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ quyết định số: 206/QĐ-TCCB ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ, trực thuộc trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Căn cứ theo hợp đồng tư vấn xây dựng số: 52/2020/HĐKT-KTNT ký ngày 17/08/2020 giữa Trung tâm kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thi công gói thầu Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã).

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

### QUYẾT ĐỊNH

**ĐIỀU 1:** Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công gói thầu số: 52/2020/HĐKT-KTNT ký ngày 17/08/2020.

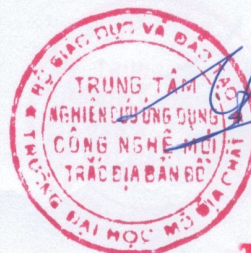
TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Trần Khánh	Chủ trì công trình	0912323688
2	Lê Đức Tình	Đội trưởng	0912296180
3	Phạm Quốc Khánh	Đội trưởng	0969323389
4	Nguyễn Hà	Tổ trưởng	0934951368
5	Võ Ngọc Dũng	Tổ trưởng	0983594469
6	Lê Thị Thanh Tâm	Tổ trưởng	0904501984

**ĐIỀU 2:** Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi gửi:**

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG  
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ



PHÓ GIÁM ĐỐC  
TS. Lê Đức Tình

25  
0762

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số: 52/2020/HĐKT-KTNT**

**Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã)**

Thuộc Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Kiểm tra, nghiệm thu đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Pleiku và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai

Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-STNMT ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Pleiku và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Hợp đồng số 137/2020/HĐKT ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai và Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ về việc Kiểm tra, nghiệm thu đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Pleiku và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ và Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thực hiện Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã).

*Hôm nay, ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, chúng tôi gồm có:*

**BÊN A: Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.**

Đại diện: **Ông Bùi Đăng Quang** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 02 phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 37938519 - 024 37548350 Fax: 024 37549187

Mã số thuế: 0101194062

Số tài khoản: 049 1000 411 929 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Thăng Long

**BÊN B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ**

Đại diện: **Ông Trần Khánh** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A, Đại học Mỏ - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 37523819

Mã số thuế: 0100811629

Số tài khoản: 3100211000206 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - chi nhánh Từ Liêm

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng kinh tế thực hiện Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã) với các điều kiện sau:

### **Điều 1: Nội dung hợp đồng**

\* Bên A giao bên B thực hiện công việc Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã) đảm bảo theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đã được phê duyệt và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **\* Nội dung kiểm tra nghiệm thu:**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính: Xây dựng dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, siêu dữ liệu và các tài liệu khác có liên quan.

### **Điều 2: Khối lượng và chất lượng sản phẩm**

#### **2.1. Khối lượng thực hiện:**

a) *Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:* Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã).

Chi tiết như Phụ lục kèm theo

#### **Chất lượng sản phẩm:**

Sản phẩm kiểm tra nghiệm thu công việc Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã) đảm bảo chất lượng theo:

- Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Pleiku và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Kỹ thuật về Cơ sở dữ liệu đất đai;

- Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 04 năm 2017 quy định về Quy trình Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai;

- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

- Các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 12 năm 2020.

**Điều 4: Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

4.1. Giá trị hợp đồng: **981.134.000 VNĐ** (đã bao gồm thuế VAT)

(*Bằng chữ: Chín trăm tám mươi một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*)

Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Chi tiết giá Hợp đồng được nêu trong Bảng khối lượng giá trị hợp đồng.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

4.2. Tạm ứng: Không

4.3. Phương thức thanh toán, quyết toán:

- Thanh toán: Sau khi được Chủ đầu tư cấp kinh phí, Bên A sẽ thanh toán theo khối lượng hoàn thành được nghiệm thu từng giai đoạn.

- Khối lượng các hạng mục công việc nghiệm thu, thanh toán được xác định theo thực tế hoàn thành và được cấp chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng theo quy định.

- Quyết toán và thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được quyết toán và thanh lý sau khi bên B đã thực hiện hoàn thành các nội dung công việc theo Hợp đồng và được thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định và bên A thanh toán cho bên B.

- Hồ sơ thanh, quyết toán: Hồ sơ thanh, quyết toán do Bên B lập phù hợp với các biểu mẫu theo quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm thanh, quyết toán.

**Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên B**

- Sau khi ký hợp đồng, trên cơ sở Kế hoạch thi công chi tiết của công trình do bên A cung cấp, Bên B tổ chức thực hiện phù hợp.

- Đề xuất biện pháp thực hiện sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết;

- Bên B phải cung cấp nhân lực, thiết bị và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại để đảm bảo thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;

- Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc Pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin

- Cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ kỹ thuật như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu theo các Quy định trong thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt và các quy định hiện hành trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện hợp đồng, chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

MỘT  
TÂN  
ĐINH  
SẢN  
CƠ V  
N Đ  
HỢP

- Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu lập thành 05 bộ theo quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

#### **Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A**

- Tạm dừng thực hiện gói thầu và yêu cầu khắc phục hậu quả khi bên B vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc của bên B nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của bên B.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các tư liệu, số liệu ban đầu có liên quan đến công việc cho Bên B. Tạo điều kiện thiết lập các thủ tục hành chính cần thiết cho Bên B trong quá trình liên hệ công tác tại địa phương để công trình hoàn thành đúng tiến độ.

- Gửi cho Bên B Kế hoạch thi công chi tiết của công trình.

- Thanh toán cho Bên B theo khối lượng thực tế đã thực hiện hoàn thành các hạng mục công việc thuộc gói thầu.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7: Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết**

##### **7.1. Tạm ngừng hợp đồng:**

- Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo yêu cầu Bên B phải thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

- Bên A quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết cụ thể như không có lý do chính đáng mà Bên B không thực hiện công việc theo Hợp đồng so với tiến độ chi tiết đã được chấp thuận.

##### **7.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A:**

Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên nhận thầu:

- Trường hợp đã tạm dừng thực hiện hợp đồng mà Bên B không khắc phục lỗi của mình trong khoảng thời gian 15 ngày được hai bên thỏa thuận kể từ ngày bắt đầu tạm dừng theo thông báo và không có lý do chính đáng thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng.

- Bên B từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng. Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

- Giao thầu phụ toàn bộ công trình, hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A;

- Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên A có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 10 ngày, chấm dứt Hợp đồng. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện.

### 7.3. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường quy cho mỗi ngày chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện như quy định. Khi đạt đến mức tối đa, bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định.

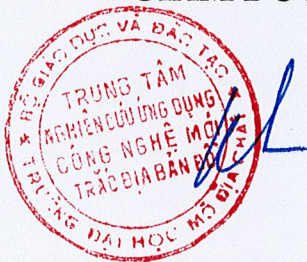
### Điều 8. Điều khoản khác

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản ghi hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**



**TRẦN KHÁNH**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**



**BÙI ĐĂNG QUANG**

## TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ KIỂM TRA NGHIỆM THU

**Hạng mục: Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã)**

Thuộc Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Kiểm tra, nghiệm thu đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Pleiku và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai

*Phụ lục kèm theo Hợp đồng số /2020/HĐTK ngày 17 tháng 8 năm 2020*

*Đơn vị: đồng*

Số TT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ</b>				<b>1.154.275.376</b>	
	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận				1.154.275.376	
	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (Không bao gồm nội dung xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và quét giấy tờ pháp lý, xử lý tập tin)				977.745.200	
1	Công tác chuẩn bị	Thừa	800.000	41,50	33.200.000	
2	Thu thập tài liệu, dữ liệu	Thừa	800.000	81,28	65.024.000	
3	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu				-	
3.1	Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu; Lập báo cáo kết quả thực hiện	Thừa	700.000	64,98	45.486.000	
3.2	Phân loại thừa đất; lập biểu tổng hợp	Thừa	700.000	75,78	53.046.000	
3.3	Làm sạch, sắp xếp và đánh số thứ tự theo quy định về hồ sơ địa chính đối với Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất	Thừa	300.000	132,12	39.636.000	
4	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính					
4.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính	Thừa	600.000	304,00	182.400.000	
4.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (File) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã	Thừa	600.000	23,38	14.028.000	
5	Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính				-	



Số TT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
5.1	Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu theo thứ tự ưu tiên	Thửa	450.000	120,39	54.175.500	
5.2	Lập bảng tham chiếu số thửa cũ và số thửa mới đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận	Thửa	300.000	60,52	18.156.000	
5.3	Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn	Thửa			-	
5.3.1	+ Loại I: Thửa đất loại A (đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất) K = 1,0.	Thửa	150.000	1.387,52	208.128.000	
5.3.3	+ Loại III: Thửa đất loại C (Giấy chứng nhận cấp chung cho nhiều thửa đất) K = 0,5.	Thửa	90.000	771,11	69.399.900	
5.3.4	+ Loại IV: Thửa đất loại E (chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận) K = 0,5.	Thửa	200.000	770,14	154.028.000	
6	Hoàn thiện dữ liệu địa chính	Thửa	200.000	160,16	32.032.000	
7	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	Thửa	40.000	42,60	1.704.000	
8	Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)				-	
8.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu	Thửa	35.000	77,36	2.707.600	
8.2	Ký số vào sổ địa chính (điện tử)	Thửa		70,62	-	
8.3	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống theo định kỳ hàng tháng phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Thửa		132,47	-	
9	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính	Thửa	195.000	23,56	4.594.200	
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>				<b>21.893.246</b>	
1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền	Xã			-	
	+ K = 1 là trường hợp sử dụng bản đồ địa chính đã phủ kín;		29	726.058,12	20.910.474	
2	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền	Xã			-	

VÀ MÔ  
 NG TÂN  
 M ĐỊNH  
 G SÀN  
 ĐẠC V  
 AN ĐỒ  
 VÀ THÔNG



Số TT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
	+ K = 1 là trường hợp sử dụng bản đồ địa chính đã phủ kín;		12	81.897,67	982.772	
<b>III</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin</b>	<b>Trang</b>			<b>154.636.930</b>	
1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				-	
1.1	Quét trang A3	Trang A3	210.000	149,96	31.491.600	
1.2	Quét trang A4	Trang A4	820.000	100,73	82.598.600	
2	Xử lý các tập tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tập tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3,A4	690.000	49,807	34.366.830	
3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu	Thửa	58.000	106,55	6.179.900	
<b>B</b>	<b>Thuê đơn vị KTNT công tác Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (Không bao gồm nội dung xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và quét giấy tờ pháp lý, xử lý tập tin) (A * 85%)</b>		<b>85%</b>		<b>981.134.070</b>	
<b>TỔNG KINH PHÍ KTNT (làm tròn)</b>					<b>981.134.000</b>	

ĐẠI DIỆN BÊN B *đđ*

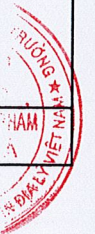


GIÁM ĐỐC  
TS. Trần Khánh

ĐẠI DIỆN BÊN A *đđ*



GIÁM ĐỐC  
Bùi Đăng Quang



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**  
**Số: 52/2020/BBNT-TLHD**

**Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn  
các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã)**

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 52/2020/HĐKT-KTNT ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc Kiểm tra, nghiệm thu Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã) thuộc Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Pleiku và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm ngày tháng năm 2020.

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, chúng tôi gồm:

**BÊN A: Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.**

Đại diện: **Ông Bùi Đăng Quang** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 02 phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 37938519 - 024 37548350 Fax: 024 37549187

Mã số thuế: 0101194062

Số tài khoản: 049 1000 411 929 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Thăng Long

**BÊN B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ**

Đại diện: **Ông Trần Khánh** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A, Đại học Mỏ - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 37523819

Mã số thuế: 0100811629



Số tài khoản: 3100211000206 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - chi nhánh Từ Liêm

Hai bên thống nhất lập biên bản thanh lý hợp đồng số 52/2020/HĐKT-KTNT ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc kiểm tra nghiệm thu công trình, sản phẩm: Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã), như sau:

- Bên B đã hoàn thành việc: Kiểm tra nghiệm thu công trình, sản phẩm: Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã) theo đúng quy định hợp đồng.

- Tổng giá trị hợp đồng: **981.134.000 đồng** (đã bao gồm VAT)  
(Bằng chữ: *Chín trăm tám mươi một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*)

- Tổng giá trị thanh lý hợp đồng là: : **981.134.000 đồng**  
(Bằng chữ: *Chín trăm tám mươi một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*)

- Số tiền Bên A phải thanh toán cho Bên B là: **981.134.000 đồng**  
(Bằng chữ: *Chín trăm tám mươi một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*)

Chi tiết như biểu 08b kèm theo

Hợp đồng số 52/2020/HĐKT-KTNT ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc kiểm tra nghiệm thu công trình, sản phẩm: Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Gia Lai (16 huyện, thị xã) được thanh lý.

Biên bản thanh lý hợp đồng được lập thành 06 bản có nội dung như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./.

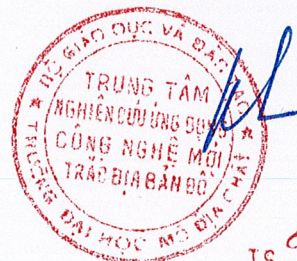
**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**

*Bùi Đăng Quang*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**

*TS. Trần Khánh*